



chuán zhī

船只

Noun · ship

Example Sentences

chuán zhī zài qiǎn tān gē qiǎn le
船只在浅滩搁浅了。

The ship ran aground on the shoal.

gǎng kǒu tíng zhe hěn duō chuán zhī
港口停着很多船只。

Many ships are docked at the port

chuán cháng zhèng zài zhǐ huī chuán zhī jìn gǎng
船长正在指挥船只进港。

The captain is directing the ship into the harbor.

Trace each character, then write the word on your own.

船	船	船	船	船	船	船	船	船	船	船
船	船	船								

只	只	只	只	只	只	只	只			
